TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HC–PT
Ngày 01 tháng 3 năm 2023
"V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Tuân;
Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 520/2022/TLPT–HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC–ST, ngày 17 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1446/2023/QĐ–PT ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lùng TG; địa chỉ: Tổ 31, phường BC, thành phố L, tỉnh L; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan HP; địa chỉ: Tổ 12, phường CL, thành phố L, tỉnh L; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đ, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng H, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện, bà Lùng TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện, bà Lùng TG và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Năm 2016, bà Lùng TG được mẹ đẻ là bà Phạm KP tặng cho quyền sử dụng thửa đất ao (thửa số 08, tờ bản đồ P2-17), diện tích 158m^2, vị trí thửa đất này nằm ở trước của nhà bà TG, do không có thoát nước nên hiện trạng đã bị lấp hết thành vườn để trồng rau. Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố L khi thực hiện dự án Khu đô thị mới, Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - Đ, phường BC, thành phố L đã thu hồi đất của bà TG, cụ thể ban hành các văn bản: Thông báo thu hồi đất tháng 10/2017, Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 về việc thu hồi đất, diện tích đất bị thu hồi là 844m^2, gồm thửa đất số 8, tờ bản đồ P2-07 (đất ao diện tích 158m^2, nguồn gốc là nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà Phạm KP) và thửa đất số 10, tờ bản đồ P2-07 (diện tích 683,6m^2, nguồn gốc là nhận thừa kế quyền sử dụng đất).

Ngày 27/02/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố L và UBND phường BC đã thực hiện việc giao đất tái định cư cho bà TG tại thực địa. Ngày 23/7/2020, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1262/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ bà TG là hộ di chuyển công trình: Khu đô thị mới, Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - Đ, thành phố L, tỉnh L xác định bà TG vẫn phải nộp tiền sử dụng đất theo hình thức định giá. Đồng thời ban hành Phiếu chuyển thông tin địa chính để làm căn cứ nộp tiền sử dụng đất. Bà TG đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về nộp tiền sử dụng đất và nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) tại bộ phận một cửa của UBND thành phố L. Tuy nhiên, hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà TG bị trả lại; bà TG đã có đơn đề nghị UBND thành phố L xem xét giải quyết về việc này nhưng không nhận được văn bản trả lời.

Ngày 30/11/2021, bà TG được biết Chủ tịch UBND thành phố L đã ban hành văn bản số 125/UBND-TCD ngày 01/11/2021 trả lời đơn đề nghị của bà TG (tuy nhiên bà TG không nhận được văn bản này) có nội dung cụ thể như sau:

"1. Về hồ sơ đất đai: Hộ bà Lùng TG là đối tượng được UBND thành phố L ban hành Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 về việc thu hồi 844m^2 đất nuôi trồng thủy sản.

2. Về đối tượng giao đất: Hộ bà Lùng TG là đối tượng cùng chung sống trên thửa đất ở với hộ bà Phạm KP (Hộ bà Phạm KP được UBND thành phố L thu hồi đất ở để thực hiện dự án Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - Đ). Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hộ bà Lùng TG được giao 01 suất tái định cư nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên do hộ bà Phạm KP không đồng ý với Quyết định thu hồi đất số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - Đ và Quyết định số 667/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - Đ và

khởi kiện tại TAND tỉnh L. Ngày 24/02/2021, TAND tỉnh L ban hành bản án số 01/2021/HC-ST v/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai trong đó hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 và Quyết định 667/QĐ-UBND của UBND thành phố L. Việc hủy 02 quyết định trên dẫn đến việc các chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Phạm KPbị hủy theo…"

Bà TG cho rằng việc UBND thành phố L nêu lý do trên để không cấp GCNQSDĐ cho bà là trái quy định của pháp luật vì hộ gia đình trong trường hợp này là theo luật cư trú còn tài sản về quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Phúc đã được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế, 200m^2 đất thổ cư trong Quyết định thu hồi đất số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của hộ bà KP là quyền sử dụng riêng của bà Lùng TN và Lùng TB (em gái của bà TG), không phải của hộ bà KP nên không liên quan đến bà TG. Ngoài ra, tại Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà KP cũng không có chính sách giao đất cho hộ bà TG. Việc bà KP không đồng ý với Quyết định thu hồi đất và khởi kiện tại Tòa án là việc riêng của bà KP, không liên quan đến bà TG. UBND thành phố L quyết định giao đất, bà TG đã hoàn thành xong nghĩa vụ tài chính nhưng UBND không cấp GCNQSDĐ cho bà TG là vi phạm quy định tại điểm d khoản 7 Điều 97 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Vì vậy, bà TG khởi kiện yêu cầu: Buộc UBND thành phố L phải cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất đã giao cho bà TG tại tổ 31, phường BC, thành phố L, tỉnh L vì bà TG đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính về nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố L, tỉnh L trình bày:

Hộ bà Lùng TG có GCNQSDĐ số CĐ 135133, số vào sổ 02704 ngày 04/5/2016 và GCNQSDĐ số CĐ 135127, số vào sổ 02685 ngày 28/4/2016.

Thực hiện Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt chấp thuận đầu tư dự án: Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - Đ, thành phố L, tỉnh L. Ngày 28/12/2017 UBND thành phố L ban hành Thông báo số 1466/TB-UBND thu hồi 832m^2 đất nuôi trồng thủy sản của bà Lùng TG tại 02 thửa đất số 10, diện tích 674m^2 và thửa đất số 8, diện tích 158m^2 tờ bản đồ P2-17, phường BC, thành phố L.

Sau khi Tổ công tác thực hiện thống kê, đo đạc kiểm đếm theo hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình thì diện tích sử dụng đất của bà Lùng TG có thay đổi (*Biên bản kiểm tra số lượng đất đai, tài sản, hoa màu ngày 08/5/2017, hộ bà TG đã ký xác nhận*), cụ thể: Tổng diện tích theo hiện trạng sử dụng là 844m^2, trong đó: Thửa đất số 177 (10), diện tích 683,6 m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản; Thửa đất số 217(8), diện tích 160,4 m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản.

Ngày 23/5/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 862/QĐ-UBND thu hồi 844m^2 đất nuôi trồng thủy sản của hộ bà Lùng TG - tổ 31, phường BC, thành phố L. Ngày 23/5/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 857/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu đô thị mới, tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - Đ, thành phố L. Tại phương án chi tiết bồi thường hộ bà Lùng TG được bồi thường 539.502.762 đồng. Ngày 12/01/2021 hộ bà Lùng TG đã ký nhận đủ số tiền 539.502.762 đồng (Phiếu chi ngày 12/01/2021).

Hộ gia đình bà Phạm KP có 200m^2 đất ở tại thửa đất số 140(9a), tờ bản đồ 1(P2-17), đất đã được cấp GCNQSDĐ số AN 591516, sổ 1219 ngày 09/10/2008. Ngày 10/4/2020, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 668/QĐ-UBND v/v thu hồi đất đề thực hiện dự án: Khu đô thị mới, Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - Đ, thành phố L. Ngày 24/11/2017 của UBND phường BC xác nhận: Hộ bà Lùng TG (đã ly hôn) là con gái của bà Phạm KP, có hộ khẩu chung khẩu với mẹ là bà KP, cùng chung sống trên 01 thửa đất ở bị thu hồi. Ngày 23/01/2018 Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư xét duyệt cho hộ bà TG 01 suất đất tái định cư, diện tích, vị trí theo quy hoạch, nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Ngày 23/7/2020 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1262/QĐ-UBND v/v giao đất cho hộ bà TG là hộ di chuyển GPMB công trình Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - Đ (lô đất số 13 - TĐC2 - Đường S9 (Ngô Quyền kéo dài), Tiểu khu đô thị số 1.

Tuy nhiên, hộ gia đình bà Phạm KP không đồng ý với Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc thu hồi đất và Quyết định 667/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - Đ nên đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) tỉnh L. Ngày 24/02/2021 TAND tỉnh L xét xử sơ thẩm và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm KP (Bản án số 01/2021/HC-ST), trong đó buộc UBND thành phố L hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 và Quyết định số 667/QĐ-UBND. Do không nhất trí với Bản án số 01/2021/HC-ST của TAND tỉnh L, nên UBND thành phố L kháng cáo, ngày 14/3/2022 TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm và quyết định tại Bản án số 58/2022/HC-PT, trong đó: Bác kháng cáo của UBND thành phố; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 24/02/2021 của TAND tỉnh L.

Thực hiện Bản án số 58/2022/HC-PT ngày 14/3/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội, UBND thành phố L ban hành các Quyết định: Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 về hủy bỏ các Quyết định của UBND thành phố L về việc giao đất cho các hộ gia đình tại dự án khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10; Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 về hủy bỏ Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND thành phố L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu

đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10; Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 về hủy bỏ Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND thành phố L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10.

Từ việc hủy các Quyết định trên thì đối tượng thu hồi đất không còn, nên đối tượng giao tái định cư cũng bị hủy theo, dẫn đến Quyết định giao đất số 1264/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND thành phố về việc giao đất cho hộ bà Phạm KP và Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND thành phố về việc giao đất cho hộ bà Lùng TG bị hủy. Hiện nay, UBND thành phố đang chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với UBND phường BC rà soát hồ sơ để thực hiện công tác thống kê, bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho các đối tượng có quyền lợi liên quan theo Bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 24/02/2021 của TAND tỉnh L.

Do đó, việc bà Lùng TG khởi kiện yêu cầu UBND thành phố L, tỉnh L phải cấp GCNQSDĐ theo Quyết định giao đất số 1262/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND thành phố L là không có cơ sở thực hiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC–ST ngày 17/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 168, khoản 1 Điều 348, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 3, Điều 99 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lùng TG về việc: Buộc UBND thành phố L phải cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất đã giao cho bà TG tại tổ 31, phường BC, thành phố L, tỉnh L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/09/2022, người khởi kiện bà Lùng TG làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị ửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Lùng TG là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Lùng TG, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC–ST ngày 17/9/2022 của TAND tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Lùng TG là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà vắng mặt người khởi kiện có kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện và đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Bà Lùng TG khởi kiện yêu cầu UBND thành phố L thực hiện việc cấp GCNQSDĐ theo Quyết định giao đất số 1262/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND thành phố L; đây là yêu cầu về hành vi hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND tỉnh L và xác định vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của bà Lùng TG, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự có căn cứ khẳng định: Tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 23/5/2018, UBND thành phố L đã thu hồi 844m^2 đất nuôi trồng thủy sản của hộ bà Lùng TG, có địa chỉ tại tổ 31, phường BC, thành phố L. Ngày 23/5/2018, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 857/QĐ-UBND phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu đô thị mới, tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - Đ, thành phố L; theo quyết định này hộ bà Lùng TG được bồi thường 539.502.762 đồng và ngày 12/01/2021 bà Lùng TG đã ký nhận đủ số tiền 539.502.762 đồng theo Phiếu chi ngày 12/01/2021. Do bà TG chỉ bị thu hồi đất nuôi trồng thuỷ sản nên chỉ được bồi thường về đất, không được hỗ trợ 01 suất đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Khi thực hiện chính sách hỗ trợ đối với hộ bà Phạm KP bị thu hồi đất theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc thu hồi đất và Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; UBND thành phố L xác định hộ bà Lùng TG (con gái của bà KP) có hộ khẩu chung với mẹ, cùng chung sống trên 01 thửa đất ở bị thu hồi nên ngày 23/01/2018 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã xét duyệt cho hộ

bà TG 01 suất đất tái định cư, diện tích, vị trí theo quy hoạch, nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và ngày 23/7/2020, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1262/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ bà Lùng TG. Tuy nhiên, bà Phạm KP không đồng ý và đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND và Quyết định số 667/QĐ-UBND trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 24/02/2021 của TAND tỉnh L và Bản án hành chính phúc thẩm số 58/2022/HC-PT ngày 14/3/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND và Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND thành phố L. Do đó, ngày 23/5/2022 UBND thành phố L ban hành Quyết định số 564 hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND; ban hành Quyết định số 565 hủy Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 và ban hành Quyết định 563 hủy các quyết định khác liên quan trong đó có Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND thành phố L về việc giao đất cho hộ bà Lùng TG, giao cho Chi cục thuế khu vực L - Mường Khương thực hiện thủ tục thoái thu tiền sử dụng đất cho hộ bà TG trong trường hợp hộ gia đình đã thực hiện nghĩa vụ tài chính là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, các quyết định liên quan đến việc thu hồi, hỗ trợ, tái định cư về đất, trong đó có Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 về việc giao đất cho hộ bà Lùng TG của UBND thành phố L đã bị huỷ bỏ nên việc bà Lùng TG yêu cầu buộc UBND thành phố L, tỉnh L phải thực hiện hành vi cấp GCNQSDĐ cho bà là không có căn cứ thực hiện. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lùng TG là có căn cứ pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lùng TG; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lùng TG phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lùng TG, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC–ST ngày 17 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Về án phí: Bà Lùng TG phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L, theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Toà án số 0000229 ngày 17 tháng 10 năm 2022.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh L;*
- *VKSND tỉnh L;*
- *Cục THADS tỉnh L;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng